

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	  <p>VILAS 149</p>
<p>B24.179/TTQT 0403</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 03/06/2024 Trang (Page): 01/01</p>

1. Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.
Sample Name Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.
2. Ngày nhận mẫu : 21/05/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.
Customer Nam Con Son Pipeline Company.
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. COD* mg/l Chemical oxygen demand	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h10/ Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 10h10.

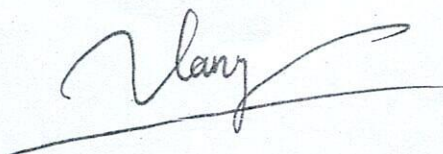
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Target for subcontractors.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.

KPH: Không phát hiện/ Not detected.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION**



Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**



	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	 
<p>B24.179/TTQT 0402</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 03/06/2024 Trang (Page): 01/02</p>

1. Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.
Sample Name Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.
2. Ngày nhận mẫu : 21/05/2024.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.
Customer Nam Con Son Pipeline Company.
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Amoni (N-NH ₄ ⁺)* Nitrogen – Aminonium	mg/l	TCVN 6179-1 : 1996	KPH (<0,100)
2. BOD ₅ (ở 20°C)* Biological oxygen demand	mg/l	TCVN 6001-1:2021	4,2
3. Sunfua (S ²⁻) Sunfur	mg/l	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (<0,12)
4. Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)* Phosphate	mg/l	TCVN 6202 : 2008	4,41
5. Nitrat (N-NO ₃ ⁻)* Nitrogen – Nitrate	mg/l	TCVN 6494-1: 2011	15
6. Dầu mỡ động thực vật Vegetable oils and fats	mg/l	SMEWW 5520B&F: 2023	KPH (<3,0)
7. T – Coliform Total Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	(-) (<2,0)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	  <p>VILAS 149</p>
<p>B24.179/TTQT 0402</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 03/06/2024 Trang (Page): 02/02</p>

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
8. Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids	SOP – PQT - 44	488
9. Chất rắn lơ lửng (TSS)* Total suspended solids	TCVN 6625 : 2000	8,7
10. pH	TCVN 6492 : 2011	7,3
11. Chất hoạt động bề mặt** Surfactant	SMEWW 5540B & C:2017	0,23

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h10/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 10h10.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ *Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.*

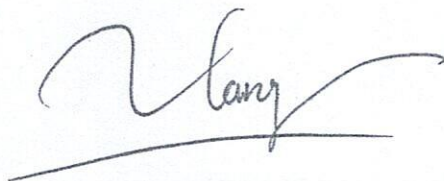
(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Target for subcontractors.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

(-): Âm tính/ *Negative.*

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION**



Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**



Lê Tuấn Kiệt

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B24.180/TTQT 0404</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 03/06/2024 Trang (Page): 01/03</p>

- Tên mẫu**
Sample Name : **Nước thải có khả năng bị nhiễm dầu của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí có tọa độ X: 1155890 và Y: 441528.**
Wastewater ability contaminated oil of Nam Con Son Pipeline Company. Location with coordinates X: 1155890 & Y: 441528.
- Ngày nhận mẫu**
Date of receive sample : **21/025/2024.**
- Khách hàng**
Customer : **Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.
- Kết quả thử nghiệm**
Test result :

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* <i>Suspended solids</i>	mg/l	TCVN 6625:2000	KPH (<3,0)
2. BOD ₅ (20°C)* <i>Biochemical Oxygen Demand</i>	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. COD* <i>Chemical Oxygen Demand</i>	mg/l	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)
4. Tổng Sắt (T- Fe)* <i>Total Iron</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2023	0,215
5. Chì (Pb) <i>Lead</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
6. Kẽm (Zn)* <i>Zinc</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B : 2023	0,241
7. Thủy ngân (Hg) <i>Mercury</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0009)
8. Asen (As) <i>Arsenic</i>	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
9. Crôm III (Cr ³⁺) <i>Chromium III</i>	mg/l	Tk: TCVN 6658:2000 SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,030)
10. Crôm VI (Cr ⁶⁺) <i>Chromium VI</i>	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B24.180/TTQT 0404</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 03/06/2024 Trang (Page): 02/03</p>

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
11. Tổng Nitơ (T-N)* <i>Nitrogen total</i>	mg/l TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Sunfua (S ²⁻) <i>Sulfur</i>	mg/l SMEWW 4500S ²⁻ .B&D:2023	KPH (<0,12)
13. Phenol	mg/l TCVN 6216:1996	KPH (<0,09)
14. Độ màu <i>Colour</i>	mg/l Pt TCVN 6185:2015	8
15. Florua (F ⁻) <i>Fluoride</i>	mg/l SMEWW 4500-F-B&D:2023	KPH (<0,20)
16. Clo dư <i>Chlorine, free</i>	mg/l TCVN 6225-3:2011	KPH (<0,90)
17. Dầu mỡ khoáng <i>Mineral oil</i>	mg/l SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<3,0)
18. Nitơ-amoni (N-NH ₄ ⁺)* <i>Nitrogen - aminonium</i>	mg/l TCVN 6179-1:1996	KPH (<0,100)
19. Tổng phốt pho (T-P)* <i>Phosphorus</i>	mg/l TCVN 6202:2008	0,029
20. pH	TCVN 6492 : 2011	7,8
21. Đồng (Cu)* <i>Copper</i>	mg/l US EPA Method 3015A&SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
22. Cadimi (Cd) <i>Cadmium</i>	mg/l US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
23. T-Coliform <i>Coliform organisms</i>	MPN/100ml SMEWW 9221B:2023	33
24. Mangan (Mn)* <i>Manganese</i>	mg/l US EPA Method 3015A&SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
25. Niken (Ni)* <i>Nickel</i>	mg/l US EPA Method 3015A&SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)

Uay

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	 
<p>B24.180/TTQT 0404</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 03/06/2024 Trang (Page): 03/03</p>

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
26. Cyanua (CN ⁻) Cyanide mg/l	TCVN 6181 : 1996	KPH (<0,008)
27. Nhiệt độ Temperature °C	SMEWW 2550B : 2023	31,1

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h45/ Sample is taken by The Center for environmental monitoring and resources at 09h45.

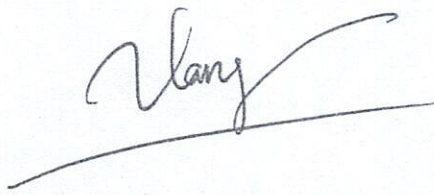
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ (*): Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1322/TTQTTNMT – DVTV ngày 26/01/2024/ Sample is collected according to contract C-1322 / TTQTTNMT – DVTV dated 26/01/2024.

KPH: Không phát hiện/ Not detected.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR


Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt